TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN N1** **THÀNH PHỐ C1**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc L – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 202/2023/QĐST-DS	*N1, ngày 29 tháng 12 N 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA T2 CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 12 N 2023 về việc các đương sự thỏa T2 được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 596/2023/TLST- DS ngày 19 tháng 10 N 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa T2 của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa T2 giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày L biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa T2 đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa T2 của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Trần Văn L**, sinh N 1958.

Bà **Nguyễn Thị N**, sinh N 1961.

Địa chỉ: 118/26C T, phường C, quận N1, thành phố C1.

Đại diện ủy quyền: Ông **Lê Văn H**, sinh N 1968 (HĐUQ ngày 27/9/2023).

Địa chỉ: 300/31 đường C2, phường B, quận B1, thành phố C1.

- *Bị đơn*: 1. Bà **Đoàn Thị Cẩm V**, sinh N 1980.

Địa chỉ: 256 N1, phường A, quận N1, thành phố C1.

2. Ông **Trần Hoài B2** (chết).

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông B2:

- Ông **Trần Thanh P**, sinh N 1945.
- Bà **Thái Thị B3**, sinh N 1947.

Cùng địa chỉ: Ấp TV 1, xã T3, huyện P1, tỉnh H1.

- Bà **Đoàn Thị Cẩm V**, sinh N 1980.
- Cháu **Trần Anh T1**, sinh N 2011.
- Cháu **Trần Tấn P1**, sinh N 2015.
- Cháu **Trần P1 T2**, sinh ngày 08/6/2022

Người đại diện theo pháp luật của cháu T1, T2 và P1 là bà **Đoàn Thị Cẩm V.**

Cùng địa chỉ: 256 N1, phường A, quận N1, thành phố C1.

Đại diện ủy quyền của ông P, bà B3 và bà V: Ông **Nguyễn Văn Quốc S**, sinh N 1993 (HĐUQ ngày 21/12/2023).

Địa chỉ: Ấp C3, xã T4, huyện P1, tỉnh H1.

Địa chỉ liên hệ: 256 N1, phường A, quận N1, thành phố C1.

2. Sự thỏa T2 của các đương sự cụ thể như sau:

Các đương sự thống nhất thỏa T2 như sau:

+ Bị đơn bà Đoàn Thị Cẩm V thống nhất trả cho ông Trần Văn L và Nguyễn Thị N số nợ gốc 1.600.000.000 đồng (một tỉ sáu trăm triệu đồng).

+ Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Hoài B2 gồm có bà Đoàn Thị Cẩm V, ông Trần Thanh P, bà Thái Thị B3, cháu Trần Anh T1, cháu Trần Tấn P1 và cháu Trần P1 T2 (cháu T1, P1, T2 do bà Đoàn Thị Cẩm V là người đại diện theo pháp luật) thống nhất cùng liên đới chịu trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị N số tiền nợ gốc 1.600.000.000 đồng (một tỉ sáu trăm triệu đồng) trong phạm vi di sản thừa kế do ông Trần Hoài B2 để lại.

Về thời gian và cách trả thống nhất sẽ giải quyết tại giai đoạn thi hành án. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự N 2015.

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

- Bị đơn bà Đoàn Thị Cẩm V phải chịu án phí đối với nghĩa vụ trả nợ gốc 1.600.000.000đồng là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Hoài B2 là cháu Trần Anh T1 sinh N 2011, cháu Trần Tấn P1 sinh N 2015, cháu Trần P1 T2 sinh N 2022, ông Trần Thanh P sinh N 1945, bà Thái Thị B3 sinh N 1947 dđược miễn án phí dân sự sơ thẩm; Bị đơn bà Đoàn Thị Cẩm V phải chịu án phí tương ứng với tỉ lệ 1/6 nợ gốc: 1.600.000.000đồng/6 là 6.666.666 đồng (*sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng*).

Nguyên đơn ông Trần Văn L, bà Nguyễn Thị N được miễn nộp tạm ứng án phí nên không xem xét đến nghĩa vụ trả lại tạm ứng án phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T2 thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận N1;
- Thi hành án quận N1;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Diễm Trang